

An Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Số: 2111-TVHV/ĐKTTVAG-DB

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN HẠ VỪA  
CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG  
(từ ngày 21/11 đến ngày 30/11/2022)**

**1. Nhận xét tình hình thủy văn từ ngày 11÷20/11/2022**

Trong tuần giữa tháng 11/2022, mực nước các trạm trên khu vực thượng nguồn sông Mekong xuống chậm. Mực nước cao nhất tuần tại Kratie ở mức thấp hơn 0.32m so với cùng kỳ 2021 và thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 0.54m; các trạm dưới Kratie, mực nước ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 từ 0.10-0.50m và thấp hơn từ 0.20-1.20m so với cùng kỳ TBNN.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên lên theo triều và đạt giá trị cao nhất trong những ngày đầu tuần, mực nước thấp nhất tại các trạm xuất hiện trong những ngày cuối tuần; mực nước cao nhất và thấp nhất tuần đều ở mức thấp hơn cùng kỳ 2021 từ 0.10-0.80m.

Vùng hạ lưu sông trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ở mức trên BĐII 0.05m; trên Rạch Ông Chuông tại Chợ Mới, mực nước cao nhất ở mức trên BĐI 0.24m.

Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX), mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất tại các trạm hầu hết xuất hiện trong những ngày đầu tuần, ở mức cao hơn so với cùng kỳ 2021 từ 0.10-0.30m; mực nước thấp nhất xuất hiện trong ngày cuối tuần, ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2021 từ 0.05-0.20m.

Mực nước cao nhất tuần trên kênh Tri Tôn tại Cô Tô ở mức trên BĐI 0.17m, trên kênh Ba Thê tại Vọng Thê ở mức dưới BĐII 0.19m, trên kênh Núi Chóc-Năng Gù tại Vĩnh Hanh ở mức trên BĐI 0.12m, trên kênh Rạch Giá-Long Xuyên tại Núi Sập ở mức trên BĐI 0.20m.

**2. Dự báo thủy văn từ ngày 21÷30/11/2022**

Trong tuần cuối tháng 11/2022, mực nước khu vực thượng nguồn sông Mekong xuống dần. Tổng lượng dòng chảy sông Mekong truyền về đầu nguồn sông Cửu Long qua Tân Châu, Châu Đốc ở mức cao hơn so với TBNN từ 10-20%.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất tại các trạm có khả năng xuất hiện trong những ngày giữa tuần, ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ 2021 từ 0.10-0.20m;

mức nước thấp nhất xuất trong những ngày cuối tuần, ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với cùng kỳ 2021 từ 0.05-0.15m.

Khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các kênh, rạch xuống dần, mực nước cao nhất xuất hiện trong những ngày đầu tuần, mực nước thấp nhất xuất hiện trong những ngày cuối tuần; mực nước cao nhất và thấp nhất tuần hầu hết ở mức xấp xỉ cùng kỳ 2021.

Trong 5 ngày tiếp theo, mực nước tại các trạm khu vực đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông dao động theo triều; khu vực nội đồng TGLX, mực nước xuống chậm.

### 3. Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo:

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Đặc trưng | Mực nước (H) thực đo từ ngày 11/11 đến ngày 20/11 |              |                     | Mực nước (H) dự báo từ ngày 21/11 đến ngày 30/11 |              |                     |
|-----|------------|---------------------|-----------|---------------------------------------------------|--------------|---------------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------|
|     |            |                     |           | Ngày xuất hiện                                    | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2021 | Ngày xuất hiện                                   | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2021 |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | Max       | 11/11                                             | 2.49         | -0.30               | 26/11                                            | 2.28         | 0.13                |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 1.36         | -0.61               | 30/11                                            | 0.95         | -0.05               |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chưởng          | Max       | 11/11                                             | 2.24         | -0.19               | 26/11                                            | 2.20         | 0.18                |
|     |            |                     | Min       | 18/11                                             | 0.90         | -0.40               | 30/11                                            | 0.60         | -0.06               |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | Max       | 11/11                                             | 3.27         | -0.34               | 21/11                                            | 2.66         | 0.01                |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 2.49         | -0.81               | 30/11                                            | 2.15         | 0.17                |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | Max       | 11/11                                             | 2.43         | -0.14               | 26/11                                            | 2.26         | 0.09                |
|     |            |                     | Min       | 18/11                                             | 1.28         | -0.49               | 30/11                                            | 0.90         | -0.06               |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | Max       | 11/11                                             | 2.25         | -0.10               | 26/11                                            | 2.30         | 0.25                |
|     |            |                     | Min       | 18/11                                             | 0.77         | -0.23               | 30/11                                            | 0.40         | -0.12               |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | Max       | 11/11                                             | 2.31         | -0.20               | 26/11                                            | 2.25         | 0.16                |
|     |            |                     | Min       | 18/11                                             | 0.99         | -0.47               | 30/11                                            | 0.65         | -0.08               |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | Max       | 11/11                                             | 2.32         | 0.30                | 21/11                                            | 1.56         | -0.03               |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 1.57         | -0.07               | 30/11                                            | 1.00         | -0.07               |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | Max       | 11/11                                             | 1.36         | 0.21                | 21/11                                            | 0.98         | -0.06               |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 0.97         | -0.09               | 30/11                                            | 0.67         | 0.09                |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | Max       | 11/11                                             | 1.65         | 0.28                | 21/11                                            | 1.19         | -0.05               |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 1.18         | -0.07               | 30/11                                            | 0.80         | -0.04               |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | Max       | 11/11                                             | 1.57         | 0.20                | 21/11                                            | 1.25         | -0.02               |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 1.25         | 0.01                | 30/11                                            | 0.95         | -0.01               |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | Max       | 11/11                                             | 1.38         | 0.28                | 21/11                                            | 1.01         | -0.01               |
|     |            |                     | Min       | 20/11                                             | 1.01         | 0.07                | 30/11                                            | 0.70         | 0.12                |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | Max       | 11/11                                             | 1.61         | 0.22                | 21/11                                            | 1.32         | -0.04               |
|     |            |                     | Min       | 19/11                                             | 1.28         | -0.01               | 30/11                                            | 1.00         | -0.02               |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Nặng Gù    | Max       | 11/11                                             | 2.02         | 0.14                | 21/11                                            | 1.65         | -0.02               |
|     |            |                     | Min       | 19/11                                             | 1.37         | -0.19               | 30/11                                            | 1.10         | 0.02                |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | Max       | 11/11                                             | 1.60         | 0.14                | 21/11                                            | 1.30         | -0.10               |
|     |            |                     | Min       | 18/11                                             | 1.14         | -0.02               | 30/11                                            | 0.90         | -0.02               |

Tin phát lúc 16h00' ngày 21/11/2022

| STT | Trạm | sông, kênh, rạch | Đặc trung | Mực nước (H) thực đo từ ngày 11/11 đến ngày 20/11 |              |                     | Mực nước (H) dự báo từ ngày 21/11 đến ngày 30/11 |              |                     |
|-----|------|------------------|-----------|---------------------------------------------------|--------------|---------------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------|
|     |      |                  |           | Ngày xuất hiện                                    | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2021 | Ngày xuất hiện                                   | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2021 |

*Duyệt bản tin:* Lưu Văn Ninh

*DBV Thủy văn:* Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan